

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 7 – 2024

V/v tranh chấp ly hôn giữa bà A
với ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Phương.

2. Bà Phạm Ngọc Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 359/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108b/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Duy A, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số G, Đường A, Phường A, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Hữu T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số C, Ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Duy A trình bày:

Bà A và ông T tổ chức đám cưới vào năm 2000 và đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 108 quyển số 01/2002. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không chăm lo cho gia đình, đã nhiều lần chị A khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Nhận thấy

cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Lê Thị Duy A nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Hữu T. Về con chung: Bà A và ông T có 02 con chung tên Võ Quỳnh N, sinh năm: 2002 đã trưởng thành và Võ Minh T1, sinh ngày 11/8/2006, hiện đang sống với bà A, bà A yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Võ Minh T1, không yêu cầu ông Trung cấp d nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà A xác định không có.

Bị đơn ông Võ Hữu T: Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Lê Thị Duy A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Hữu T. Ông Võ Hữu T là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức. Bị đơn ông Võ Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Võ Hữu T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Duy A.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Duy A và ông Võ Hữu T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 108 quyển số 01/2002 ngày 14/8/2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà A trình bày do ông T không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình nên phát sinh mâu thuẫn sống và ly thân từ 2020 cho đến nay. Vì vậy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà A cương quyết xin ly hôn với ông T. Đối với ông T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án gửi cho Tòa án. Điều đó chứng minh rằng ông T không có thiện chí hàn gắn tính cảm với bà A. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Duy A theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà A và ông T có 02 con chung tên Võ Quỳnh N, sinh ngày 02/6/2002 đã trưởng thành và Võ Minh T1, sinh ngày 11/8/2006, hiện đang sống với bà A, bà A có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con Võ Minh T1. Xét thấy, hiện nay cháu T1 đang sống với bà A ổn định và cháu T1 có

nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà A nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Võ Minh T1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*, nhưng bà Duy A không yêu cầu ông Trung cấp d nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A trình bày không có, ông T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Duy A phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Duy A đối với bị đơn ông Võ Hữu T.

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Duy A được ly hôn với ông Võ Hữu T.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Duy A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Võ Minh T1, sinh ngày 11/8/2006. Ông Võ Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[2] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Duy A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 đồng theo biên lai thu số 0010670 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An, bà A đã nộp đủ án phí.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Lộc